

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 149/2018/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: **Chị Vũ Thị Mai H**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số 7, ngách 559/109, phường V, quận H, thành phố Hà Nội

Bị đơn: **Anh Nguyễn Anh T**, sinh năm 1972

Địa chỉ: Tổ 9, phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2018

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Vũ Thị Mai H và anh Nguyễn Anh T

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 04/9/2011 cho chị Vũ Thị Mai H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 3.000.000 đồng/ 1 tháng cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi. Tổng số tiền anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung là 400.000.000 đồng. Ngày 28/5/2018, anh T đã cấp dưỡng nuôi cháu T1 được số tiền là 130.000.000 đồng (Một

trăm ba mươi triệu đồng), còn phải tiếp tục cấp dưỡng nốt số tiền còn lại là 270.000.000 đồng (Hai trăm, bảy mươi triệu đồng). Thời hạn cấp dưỡng chậm nhất đến ngày 30/9/2018.

Khoản tiền cấp dưỡng nêu trên giao cho chị Vũ Thị Mai H (là mẹ đẻ của cháu T1) quản lý, sử dụng vì lợi ích mọi mặt của con.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án mà anh T chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án

Anh Nguyễn Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về chia tài sản và nợ chung: Chị H và anh T tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 150.000 đồng và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng được trừ vào số tiền chị H đã nộp là 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000474 ngày 18/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh YB;
- VKSND thành phố YB;
- THADS thành phố YB;
- Dương sự (2);
- UBND p. M, tp Y;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Phòng KT

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thủy